| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 179/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ Ông Nguyễn Văn Thanh
2/ Bà Phạm Thị Kim Thảo
***-Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị A Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành*** th*am gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Trung L, sinh năm: 1997 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: 330/2, ấp An L, xã An Lạc T, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng.

2.*Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 2000 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện C, An Giang

# NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 15/08//2022, nguyên đơn anh Nguyễn Trung L trình bày:*

-*Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị A quen biết nhau đầu năm 2017, sau thời gian tìm hiểu anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại xã An Lạc T, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình. Trong thời gian chung sống do đời sống kinh tế khó khăn, luôn luôn thiếu hụt tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cải cự nhau từ đó phát sinh bất đồng quan điểm và thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Từ đó, chị Anh ít

giành thời gian chăm sóc nhau, vì vậy khoảng cách giữa anh chị ngày càng xa hơn. Sự việc kéo dài vì muốn gia đình nguyên vẹn cùng lo cho con nên anh chị cố chịu đựng nhưng vẫn không thể nào trở lại như mong đợi. Khoảng tháng 4/2019 chị A cùng con bỏ nhà đi cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Đông Nghi, sinh ngày 18/7/2018. Hiện cháu đang sinh sống với chị A. Sau ly hôn anh đồng ý cho chị A nuôi dưỡng con chung, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu chị A có yêu cầu.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị A***:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị A vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh L.Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của chị Anh tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì chị A hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện C, An Giang, nhưng chị A vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh L, cho anh L ly hôn với chị A. Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho chị A nuôi dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định***:**

[1] *Về thủ tục tố tụng***:** Chị Nguyễn Thị A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị A vẫn vắng mặt không lý do. Còn anh Nguyễn Trung L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung L và chị Nguyễn Thị A theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** Anh Nguyễn Trung L và chị Nguyễn Thị A kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng  Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn anh L trình bày sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình. Trong thời gian chung sống do đời sống kinh tế khó khăn, luôn luôn thiếu hụt tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cải cự nhau từ đó phát sinh bất đồng quan điểm và thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Từ đó, chị A  ít giành thời gian chăm sóc nhau, vì vậy khoảng cách giữa anh chị ngày càng xa hơn. Sự việc kéo dài vì muốn gia đình nguyên vẹn cùng lo cho con nên anh chị cố chịu đựng nhưng vẫn không thể nào trở lại như mong đợi. Khoảng tháng 4/2019 chị A  cùng con bỏ nhà đi cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị A. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng chị A cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của anh L. Hiện tại anh L xác định không còn tình cảm với chị Anh. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Lcũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là anh vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của anh L và chị A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lòng, là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Đông N , sinh ngày 18/7/2018. Hiện cháu N  đang sống với chị A. Sau ly hôn anh L đồng ý giao con chị A  nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu chị Anh có yêu cầu. Xét thấy cháu N  từ nhỏ và hiện tại cháu N  sống với chị A , anh L cũng đồng ý giao con chị A  nuôi dưỡng. Do đó để ổn định cuộc sống của cháu nghĩ nên để chị Anh được nuôi cháu Nghi là phù hợp, anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con nếu chị Anh có yêu cầu. Còn chị A  thì không có ý kiến. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, dành cho chị A  quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi chị Anh có yêu cầu. Chị A phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Trung L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của anh Nguyễn Trung L được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên**,***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Trung L. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Trung L và chị Nguyễn Thị A.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 18/KH, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Đông N , sinh ngày 18/7/2018. Hiện cháu đang sống với chị A . Sau ly hôn chị A được nuôi dưỡng cháu N , anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành cho chị A quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi chị A có yêu cầu. Chị A phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Trung L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Trung L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003826 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Anh Nguyễn Trung L và chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mỹ Dung**